| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **04**/2023/KDTM-ST
Ngày: 20-02-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Trần Nhàn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 41/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 04 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXX-ST ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-DS ngày 22/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng

Trụ sở: 198, Trần Quang Khải, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Quang D– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ chi nhánh Đồng Nai: 53-55, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Chu Thị L, sinh năm 1978; theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2021 (có mặt)

- **Bị đơn**: Công ty TNHH Sản xuất thương mại M

Địa chỉ: 55/1, đường Hai Bà Trưng, tổ 13, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Xuân H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1951; địa chỉ: 44, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

2. Ông Bùi Văn K, sinh năm 1946; địa chỉ: 44, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (đã chết)

**- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn K**:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1951; địa chỉ: 44, khu phố 4, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Ông Bùi Hồng S, sinh năm 1974; địa chỉ: 48, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Ông Bùi Hồng P, sinh năm 1976; địa chỉ: 45B, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

4. Bà Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1978; địa chỉ: 44, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Bà Bùi Thị Hồng H, sinh năm 1980; địa chỉ: 246, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Ông Bùi Hồng T, sinh năm 1981; địa chỉ: 383, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

7. Ông Bùi Hồng A, sinh năm 1984; địa chỉ: 44, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có đại diện theo ủy quyền bà Chu Thị L trình bày:***

Công ty TNHH Sản xuất thương mại M (sau đây viết tắt là "Công ty") do bà Nguyễn Thị Hoàng Xuân H làm đại diện, có vay vốn tại Ngân hàng TMCP N (sau đây viết tắt là: "Ngân hàng") theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 20180485/HĐTD/KHBL ngày 14/08/2018 với Số tiền vay 4.900.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: áp dụng theo thông báo lãi suất của VCB Đồng Nai tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định kì vào ngày đầu tiên của tháng đầu quý. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức vay: hạn mức; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Trả lãi vay định kỳ ngày 26 hàng tháng.

Khoản vay của Công ty được bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ ấp 4, Xã Tân Hạnh, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, thuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 143829 do UBND TP.Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/06/2006 cho ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20180388/HĐBĐ/KHBL được công chứng/chứng thực ngày 28/08/2018 và đăng ký giao dịch bảm đảm ngày 29/08/2018.

Theo hợp đồng tín dụng này, ngày 15/08/2018 công ty đã bắt đầu rút vốn vay. Tính đến ngày 09 tháng 09 năm 2019 công ty không thanh toán đủ tiền gốc và lãi đến hạn cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc, yêu cầu Công ty trả nợ theo đúng thỏa thuận với Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán dứt điểm các khoản nợ quá hạn. Tính đến ngày 20 tháng 02 năm 2023 công ty nợ ngân hàng tổng số nợ gốc: 2.293.437.105 đồng; nợ lãi trong hạn 673.146.698 đồng; nợ lãi quá hạn 338.576.619 đồng; Tổng cộng: 3.305.160.422 đồng (ba tỷ, ba trăm lẻ lăm triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng).

Do đó, Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại M thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 3.305.160.422đ (ba tỷ, ba trăm lẻ lăm triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc: 2.293.437.105 đồng; nợ lãi trong hạn 673.146.698 đồng; nợ lãi quá hạn 338.576.619 đồng.

Công ty TNHH Sản xuất thương mại M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng tính kể từ ngày 21/02/2023 đến ngày trả hết nợ.

Nếu Công ty TNHH Sản xuất thương mại M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm nêu trên được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ bao gồm Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ ấp 4, xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, thuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 143829 do UBND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/06/2006 cho ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20180388/HĐBĐ/KHBL được công chứng/chứng thực ngày 28/08/2018 và đăng ký giao dịch bảm đảm ngày 29/08/2018.

**Phía Công ty TNHH Sản xuất thương mại M; bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Hồng S, ông Bùi Hồng P; bà Bùi Thị Hồng T, bà Bùi Thị Hồng H, ông Bùi Hồng T, ông Bùi Hồng A vắng mặt. Tòa án đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo hòa giải; Thông báo mở phiên họp**

**kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng các đương sự vẫn không đến Tòa án làm việc.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:***

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng, công ty TNHH Sản xuất Thương mại M phải chịu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1]. Tố tụng:***

***- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:***

Ngân hàng thương mại Cổ phần N khởi kiện công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mộc Sơn Phát thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng thương mại Cổ phần N là nguyên đơn, công ty TNHH Sản xuất Thương mại M là bị đơn. Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

***- Về thẩm quyền giải quyết:*** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 20180485/HĐTD/KHBL ngày 14/08/2018 giữa ngân hàng và công ty có thỏa thuận điều khoản khi có tranh chấp phát sinh là Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Đồng Nai có trụ sở . Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần N thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

***- Về thủ tục tố tụng khác***: Công ty TNHH Sản xuất thương mại M; bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Hồng S, ông Bùi Hồng P; bà Bùi Thị Hồng T, bà Bùi Thị Hồng H, ông Bùi Hồng T, ông Bùi Hồng A đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ 02 lần (quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

***[2] Về nội dung tranh chấp***:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của Ngân hàng TMCP N về vấn đề nợ gốc:

Ngân hàng TMCP N với Công ty TNHH Sản xuất thương mại M có ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 20180485/HĐTD/KHBL ngày 14/08/2018 với số tiền vay 4.900.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm triệu đồng). Theo trình bày của người đại diện nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên thì tính đến ngày 09 tháng 09 năm 2019 công ty không thanh toán đủ tiền gốc và lãi đến hạn cho ngân hàng, cho đến hiện nay công ty không thanh toán được đồng nào gốc, lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay. Mặc dù, nguyên đơn đã đôn đốc trả nợ theo đúng thời hạn và số tiền mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Sản xuất thương mại M phải thanh toán số nợ gốc: 2.293.437.105 đồng là phù hợp với hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nợ gốc của nguyên đơn.

2.2. Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức số 20180485/HĐTD/KHBL ngày 14/08/2018 các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được quy định lãi suất cho vay: áp dụng theo thông báo lãi suất của Vietcombank Đồng Nai tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh định kì vào ngày đầu tiên của tháng đầu quý. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại Cổ phần N về khoản tiền lãi, tính đến ngày 20/02/2023 là nợ lãi trong hạn 673.146.698 đồng; nợ lãi quá hạn 338.576.619 đồng

Căn cứ Điều 4, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam. Buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại M phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng: 3.305.160.422 đồng (ba tỷ, ba trăm lẻ năm triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi

hai đồng). trong đó nợ gốc: 2.293.437.105 đồng; nợ lãi trong hạn 673.146.698 đồng; nợ lãi quá hạn 338.576.619 đồng.

2.3. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20180388/HĐBĐ/KHBL ngày 28/08/2018 và phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Biên Hòa ngày 29/08/2018. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất cụ thể: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 143829 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/06/2006 cho ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị Đ.

Xét việc thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP N đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trong trường hợp Công ty TNHH Sản xuất thương mại M không có khả năng thanh toán số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP N.

2.4. Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP N buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại M tiếp tục trả tiền lãi, lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản tín dụng đến ngày trả hết nợ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.5. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn Công ty TNHH Sản xuất thương mại M phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[3]. Về án phí DSST-ST: Bị đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiêm tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH Sản xuất thương mại M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại M phải trả cho Ngân hàng TM cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 20/2/2023 là 3.305.160.422 đồng (ba tỷ, ba trăm lẻ năm triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng). Trong đó; nợ gốc 2.293.437.105 đồng; nợ lãi trong hạn 673.146.698 đồng; nợ lãi quá hạn 338.576.619 đồng.

Tài sản bảo đảm thi hành án:

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, tại địa phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 143829 do UBND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/06/2006 cho ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20180388/HĐBĐ/KHBL được công chứng/chứng thực ngày 28/08/2018 và đăng ký giao dịch bảm đảm ngày 29/08/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chính lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại M có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

3. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất thương mại M phải chịu 98.103.208 đồng (Chín mươi tám triệu, một trăm lẻ ba nghìn, hai trăm lẻ tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TM cổ phần N số tiền 43.826.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000994 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trần Nhàn**